

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Kế toán chi phí - 1104058

Mã lớp học phần: 110405803

Giảng viên giảng dạy: Võ Thị Hiền Nhi

Ngày thi: 05/12/2014

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.12

Số tín chỉ: 3

Giám thị 1: P. Thuận Ký tên: h

Giám thị 2: V. Phương Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110130006	Lê Thị Hồng	Anh	02/02/1993	<u>anh</u>	<u>2</u>	<u>Hai đôn</u>	C13KT1	
2	1210130341	Phạm Minh	Luân	06/12/1994	<u>luân</u>	<u>5</u>	<u>Nam đôn</u>	C14KT3	
3	1110130087	Đặng Thị Xuân	Mai	10/05/1991	<u>mai</u>	<u>9,5</u>	<u>Chín rưỡi</u>	C14KT3	
4	1210130228	Cao Thị Hà	My	20/11/1993	<u>hamy</u>	<u>7,5</u>	<u>Bảy rưỡi</u>	C14KT3	
5	1110130095	Lê Thị Quỳnh	Nga	06/07/1993	<u>quynh</u>	<u>5,5</u>	<u>Năm rưỡi</u>	C13KT1	
6	1210130229	Hồ Ngọc Yến	Nhi	21/11/1994	<u>nhu</u>	<u>6,5</u>	<u>Sáu rưỡi</u>	C14KT3	
7	1210130230	Trần Minh	Tân	19/09/1994	<u>tân</u>	<u>6,5</u>	<u>Sáu rưỡi</u>	C14KT3	
8	1210130231	Lê Thị Mai	Thảo	08/08/1994	<u>thảo</u>	<u>6</u>	<u>Sáu đôn</u>	C14KT3	
9	1210130232	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/07/1994	<u>thảo</u>	<u>7</u>	<u>Bảy đôn</u>	C14KT3	
10	1210130233	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/09/1994	<u>th</u>	<u>4</u>	<u>Bốn đôn</u>	C14KT3	
11	1210130236	Quách Thị Ngọc	Thảo	29/08/1994	<u>th</u>	<u>6</u>	<u>Sáu đôn</u>	C14KT3	
12	1210130237	Dương Thị Hồng	Thi	01/04/1994	<u>thi</u>	<u>7</u>	<u>Bảy đôn</u>	C14KT3	
13	1210130238	Nguyễn Thị Mai	Thi	02/12/1994	<u>thi</u>	<u>8</u>	<u>Tám đôn</u>	C14KT3	
14	1210130239	Nguyễn Thị Vân	Thi	10/09/1994	<u>thi</u>	<u>6,5</u>	<u>Sáu rưỡi</u>	C14KT3	
15	1210130240	Hồ Thị	Thiện	03/03/1994				C14KT3	Nợ HP ✓
16	1210130251	Vương Đức	Thịnh	02/11/1994	<u>thi</u>	<u>7,5</u>	<u>Bảy rưỡi</u>	C14KT3	
17	1110130182	Nguyễn Thị Xuân	Thoa	02/01/1993	<u>th</u>	<u>5</u>	<u>Năm đôn</u>	C13KT2	
18	1110130188	Đỗ Thị Xuân	Thu	21/04/1993	<u>thu</u>	<u>1</u>	<u>Một đôn</u>	C13KT2	
19	1210130254	Nghiêm Thị Hoài	Thu	05/03/1994	<u>thu</u>	<u>4,5</u>	<u>Bốn rưỡi</u>	C14KT3	
20	1210130255	Trần Thị Cẩm	Thu	16/03/1993	<u>th</u>	<u>9,5</u>	<u>Chín rưỡi</u>	C14KT3	
21	1210130256	Võ Ngọc Minh	Thu	12/11/1994	<u>thu</u>	<u>5,5</u>	<u>Năm rưỡi</u>	C14KT3	
22	1210130257	Lê Thị	Thùy	16/08/1994	<u>thuy</u>	<u>5,5</u>	<u>Năm rưỡi</u>	C14KT3	
23	1210130259	Nguyễn Thị Kim	Thùy	01/07/1994	<u>thuy</u>	<u>9</u>	<u>Chín đôn</u>	C14KT3	
24	1210130261	Nguyễn Thị	Thủy	19/02/1994	<u>thi</u>	<u>7</u>	<u>Bảy đôn</u>	C14KT3	
25	1210130262	Phan Thị Thanh	Thủy	02/04/1994	<u>thi</u>	<u>6,5</u>	<u>Sáu rưỡi</u>	C14KT3	
26	1210130263	Trần Thị Lệ	Thủy	04/06/1994	<u>thi</u>	<u>10</u>	<u>Mười</u>	C14KT3	
27	1210130260	Trương Thiên	Thúy	16/06/1994	<u>thuy</u>	<u>7</u>	<u>Bảy đôn</u>	C14KT3	
28	1210130245	Đào Thị	Thư	30/01/1994	<u>thi</u>	<u>6</u>	<u>Sáu đôn</u>	C14KT3	
29	1210130242	Huỳnh Anh	Thư	07/11/1993	<u>thi</u>	<u>5,5</u>	<u>Năm rưỡi</u>	C14KT3	
30	1210130243	Lê Vũ Minh	Thư	19/10/1994	<u>thi</u>	<u>7,5</u>	<u>Bảy rưỡi</u>	C14KT3	
31	1210130244	Lưu Kim	Thư	19/11/1994	<u>thi</u>	<u>10</u>	<u>Mười</u>	C14KT3	
32	1210130246	Nguyễn Thị Trúc	Thư	28/04/1994	<u>thi</u>	<u>9,5</u>	<u>Chín rưỡi</u>	C14KT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210130247	Phạm Thị Anh	Thư	02/10/1994	<i>Thư</i>		2	Hay hơn	C14KT3	
34	1210130248	Phạm Thị Minh	Thư	20/11/1993	<i>Thư</i>		6,5	Sau rớt	C14KT3	
35	1210130252	Nguyễn Thị Minh	Thương	11/09/1994	<i>Thư</i>		3	Bach hơn	C14KT3	
36	1210130265	Trần Thị Cẩm	Tiên	22/01/1994	<i>Thư</i>		7	Bach hơn	C14KT3	
37	1210130267	Văn Thùy	Tiên	03/09/1994	<i>Thư</i>		5,5	Nam rớt	C14KT3	
38	1210130282	Cao Thị Thùy	Trang	17/08/1993	<i>Trang</i>		5,5	Nam rớt	C14KT3	
39	1210130283	Dương Thùy	Trang	13/04/1994	<i>Trang</i>		5,5	Nam rớt	C14KT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 20

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Kế toán chi phí - 1104058

Mã lớp học phần: 110405803

Giảng viên giảng dạy: Võ Thị Hiền Nhi

Ngày thi: 05/12/2014

Giờ thi: 09h30

Số tín chỉ: 3

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: 11.191

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: 11.191

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: 11.191

Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130284	Mã Minh	Trang	24/11/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười	C14KT3	
2	1210130285	Nguyễn Thị Minh	Trang	26/03/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười	C14KT3	
3	1210130286	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	06/11/1994	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy rưỡi	C14KT3	
4	1210130288	Phạm Thị Thu	Trang	14/06/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười	C14KT3	
5	1210130289	Phạm Thị Thùy	Trang	02/02/1993	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn rưỡi	C14KT3	
6	1210130293	Võ Thị Thu	Trang	08/10/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14KT3	
7	1210130271	Lê Thị	Trâm	25/05/1994	<u>[Signature]</u>		9,5	Chín rưỡi	C14KT3	
8	1210130272	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	01/07/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14KT3	
9	1210130273	Nguyễn Thị Bích	Trâm	08/04/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14KT3	
10	1210130276	Phan Thị Ngọc	Trâm	08/10/1993	<u>[Signature]</u>		8,5	Tám rưỡi	C14KT3	
11	1210130275	Phạm Thị Tuyết	Trâm	08/12/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14KT3	
12	1210130277	Trần Thị Ngọc	Trâm	20/04/1994	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy rưỡi	C14KT3	
13	1210130278	Trần Thị Thùy	Trâm	30/07/1994	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu rưỡi	C14KT3	
14	1210130279	Bùi Nguyễn Mỹ	Trân	07/01/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14KT3	
15	1210130280	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	30/05/1993	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C14KT3	
16	1210130281	Nguyễn Thị Huyền	Trân	28/05/1994	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C14KT3	
17	1210130294	Cao Thị Mỹ	Trình	25/07/1994	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy rưỡi	C14KT3	
18	1210130295	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	18/04/1994	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn rưỡi	C14KT3	
19	1210130297	Võ Thị Yến	Trình	03/08/1994	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm rưỡi	C14KT3	
20	1210130299	Huỳnh Thị	Tròn	09/09/1993	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14KT3	
21	1210130300	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	24/04/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14KT3	
22	1210130301	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	28/7/1994	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu rưỡi	C14KT3	
23	1210130302	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	18/12/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14KT3	
24	1210130303	Phan Thanh	Trúc	21/10/1994	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu rưỡi	C14KT3	
25	1210130304	Sử Thanh	Trúc	05/10/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14KT3	
26	1210130305	Cao Minh	Tuấn	23/12/1993	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14KT3	
27	1210130306	Trần Châu	Tuấn	16/09/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười	C14KT3	
28	1210130313	Đinh Thị Thanh	Tuyền	31/05/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14KT3	
29	1210130310	Hồ Thị Thanh	Tuyền	19/07/1993	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14KT3	
30	1210130311	Lê Thị Ngọc	Tuyền	03/11/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14KT3	
31	1210130312	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	28/03/1994	<u>[Signature]</u>		9,5	Chín rưỡi	C14KT3	
32	1210130315	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	17/11/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14KT3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210130308	Huỳnh Thanh Tùng	20/04/1994	<i>Tùng</i>		5,5	Năm rưỡi	C14KT3	
34	1210130316	Bùi Thị Minh Ty	11/08/1994	<i>Ty</i>		4,5	Bốn rưỡi	C14KT3	
35	1210130317	Lê Thị Kim Uyên	12/12/1994	<i>Uyên</i>		2	Hai rưỡi	C14KT3	
36	1210130318	Kiều Thị Thúy Vân	30/08/1994	<i>Thúy</i>		3,5	Ba rưỡi	C14KT3	
37	1210130319	Nguyễn Thị Vân	18/04/1994	<i>Vân</i>		2	Hai rưỡi	C14KT3	
38	1210130320	Hồ Thị Xuân Vi	07/10/1994	<i>Vi</i>		8,5	Tám rưỡi	C14KT3	
39	1210130321	Lê Huyền Vi	18/06/1994	<i>Vi</i>		3	Ba rưỡi	C14KT3	
40	1210130322	Ngô Thị Vinh	08/11/1994	<i>Vinh</i>		6,5	Sáu rưỡi	C14KT3	
41	1210130324	Trần Thị Thanh Vui	14/02/1994	<i>Vui</i>		5,5	Năm rưỡi	C14KT3	
42	1210130323	Nguyễn Thanh Vương	10/03/1994	<i>Vương</i>		7	Bảy rưỡi	C14KT3	
43	1210130327	Lê Nguyễn Thùy Vy	14/07/1994	<i>Vy</i>		8,5	Tám rưỡi	C14KT3	
44	1210130330	Huỳnh Kim Anh Xuân	18/10/1994	<i>Xuân</i>		6	Sáu rưỡi	C14KT3	
45	1210130333	Trần Thanh Xuân	27/11/1994	<i>Xuân</i>		8	Tám rưỡi	C14KT3	
46	1210130334	Trương Thị Kim Xuân	12/11/1994	<i>Xuân</i>		10	Mười	C14KT3	
47	1210130336	Nguyễn Thị Ngọc Yến	20/03/1994	<i>Yến</i>		6,5	Sáu rưỡi	C14KT3	
48	1210130337	Phạm Mỹ Yến	05/05/1994	<i>Yến</i>		7,5	Bảy rưỡi	C14KT3	
49	1210130338	Trần Kim Yến	20/11/1994	<i>Yến</i>		6	Sáu rưỡi	C14KT3	
50	1210130339	Lê Như Ý	24/12/1994	<i>Ý</i>		4	Bốn rưỡi	C14KT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học kỳ.